TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 84 (08/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 84 (08/2022)

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

QUYỀN QUẢN LÝ, ĐỊNH ĐOẠT ĐỐI VỚI TÀI SẢN RIÊNG CỦA CON NUÔI LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

The rights to manage and decide on the private property of adopted minors under the law of Vietnam

Trần Long Đại[(1)], Tăng Si Nát[(2)]

[(1)]Văn phòng Luật sư Thành Hưng
[(2)]Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Nhận nuôi con nuôi là một trong những vấn đề thực tiễn và phổ biến. Đồng thời với việc nhận nuôi con nuôi thì giới hạn nào cho quyền quản lý, định đoạt đối với tài sản riêng của con nuôi là vấn đề được quan tâm. Bài viết này tập trung phân tích, làm rõ về quyền của cha mẹ nuôi trong việc quản lý, định đoạt đối với tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Từ khóa: *nhận nuôi con nuôi, quyền quản lý, quyền định đoạt*

ABSTRACT

Adoption is one of the most common and practical issues. Simultaneously with the adoption, the limit for the right to manage and decide on the adopted child's own property is a matter of concern. This article focuses on analyzing and clarifying the rights of adoptive parents in the management of and decision on their own property as minors in accordance with the current Vietnamese laws.

Keywords*: adoption, the right to manage, the right to decide on*

Dẫn nhập

Xuất phát từ tình hình thực tiễn tại Việt Nam, việc nhận nuôi con nuôi là một hiện tượng diễn ra phổ biến với nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi xác lập quan hệ cha, mẹ nuôi với con nuôi thì tất yếu quyền và nghĩa vụ cũng hình thành song song với việc xác lập đó. Trong đó, quyền của cha mẹ nuôi đối với việc quản lý, định đoạt tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên là một trong những vấn đề được lưu tâm lớn nhất. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích, làm rõ, bình luận những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền quản lý, định đoạt tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên.

1. Khái quát về nhận nuôi con nuôi, tài sản riêng của con nuôi và quyền của cha mẹ nuôi với con nuôi là người chưa thành niên

1.1. Khái quát về nhận nuôi con nuôi

Pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc nhận nuôi con nuôi tại Luật Nuôi con nuôi 2010 và các văn bản pháp luật liên quan như Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Bộ

Email: daitllaw@gmail.com

luật Dân sự 2015, Luật Trẻ em 2016. Theo đó, "con nuôi là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký" (khoản 3, Điều 3 Luật Nuôi con nuôi 2010), (Quốc hội, 2010, tr.8) và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 8, Luật Nuôi con nuôi 2010: trẻ em dưới 16 tuổi; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và đáp ứng một số điều kiện. Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi" (khoản 1, Điều 21, Bộ luật Dân sự 2015), (Quốc hội, 2015, tr.15). Trong bài viết này, tác giả đề cập tới đối tượng con nuôi là người chưa thành niên cho nên khái niệm này được hiểu là: "người dưới 18 tuổi được nhận làm con nuôi hợp pháp".

Ngoài những quy định về điều kiện của người được nhận làm con nuôi thì đối với người nhận nuôi con nuôi cũng phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Luật Nuôi con nuôi 2010 như: "có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; Có tư cách đạo đức tốt" (Quốc hội, 2010, tr.13-14). Luật nuôi con nuôi 2010 ghi nhận "việc nhận nuôi con nuôi là việc xác lập mối quan hệ cha, mẹ và con của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi" (khoản 1, Điều 3, Luật Nuôi con nuôi 2010), (Quốc hội, 2010, tr.10). Việc nhận nuôi con nuôi nhằm bảo đảm cho việc xác lập quan hệ pháp lý lâu dài, bền vững nhằm hướng tới mục tiêu cho sự phát triển toàn diện, lâu dài, bền vững cho người được nhận nuôi con nuôi, đặc biệt là con nuôi là người chưa thành niên. Hay có thể nói rằng mục đích của việc nhận nuôi con nuôi là "vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em được công nhận trong luật pháp quốc tế" (Điều 1.a, Công ước La Hay số 33 được Liên hợp quốc thông qua ngày 29 tháng 5 năm 1993).

Nhận nuôi con nuôi được pháp luật quy định đối với hai trường hợp là con nuôi trong nước và con nuôi có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, phải đáp ứng trình tự thủ tục luật định về thẩm quyền, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi, con nuôi,…

1.2. Tài sản riêng của con nuôi

Nhằm bảo đảm nguyên tắc mọi cá nhân đều bình đẳng, không bị phân biệt và được nhà nước bảo hộ như nhau về quyền nhân thân và tài sản theo tinh thần của Bộ luật Dân sự 2015 cũng như bảo đảm lợi ích chính đáng cho con là người chưa thành niên, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: "Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con cũng là tài sản riêng của con" (khoản 1, Điều 75, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014), (Quốc hội, 2014, tr.54). Theo đó, tài sản riêng của con được tạo lập, hình thành dưới nhiều hình thức khác nhau như:

- Được thừa kế riêng (ví dụ: hưởng thừa kế theo di chúc phần di sản thừa kế của ông nội, bà nội, ông ngoại,…);
- Được tặng cho riêng (ví dụ: nhận tặng cho sổ tiết kiệm, quyền sử dụng đất,…);
- Do lao động (ví dụ: thu nhập bằng tiền lương theo hợp đồng lao động,…);
- Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản

riêng của con (ví dụ: tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gửi tiết kiệm,…);

- Các thu nhập hợp pháp khác.

Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp con có quyền quản lý, định đoạt tài sản riêng của mình, đặc biệt là con chưa thành niên mà phải thông qua cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, người giám hộ nhằm mục đích bảo đảm tốt nhất quyền về tài sản, việc quản lý, định đoạt cũng như trách nhiệm về tài sản của con là người chưa thành niên. Cho nên, pháp luật phải quy định về quyền quản lý, định đoạt đối với tài sản riêng của con nuôi.

1.3. Quyền của cha mẹ nuôi với con nuôi

Vấn đề thực tiễn đặt ra là việc sau khi xác lập quan hệ cha, mẹ nuôi với con nuôi thì giữa cha mẹ đẻ với con được cho làm con nuôi; giữa cha mẹ nuôi với cha mẹ đẻ có những tranh chấp về mặt pháp lý. Để giải quyết vấn đề này, ngay tại bản thuyết minh Dự án về Luật Nuôi con nuôi đã nêu rõ: "xác định rõ mối quan hệ pháp lý nào giữa cha, mẹ đẻ và con đã được cho làm con nuôi sẽ chấm dứt, nhằm tránh tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa hai gia đình cha, mẹ đẻ và cha, mẹ nuôi" (Bộ Tư pháp, 2009, tr.20). Và theo đó, Khoản 1, Điều 24, Luật Nuôi con nuôi 2010 ghi nhận: "Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan" (Quốc hội, 2010, tr. 21). Ngoài ra, Khoản 3, Điều 68, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 cũng quy định: "Giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được quy định tại Luật này, Luật nuôi con nuôi, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan." (Quốc hội, 2014, tr.49).

Như vậy, kể từ thời điểm giao nhận con nuôi thì cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con theo luật định. Đồng thời, cha mẹ đẻ không còn một số quyền và nghĩa vụ đối với con đã cho đi làm con nuôi như quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con, đại diện cho con trước pháp luật, quản lý, định đoạt tài sản riêng (nếu có) của con,… những quyền này được "chuyển giao" cho cha mẹ nuôi kể từ thời điểm giao nhận con nuôi.

1.4. Mối quan hệ giữa cha mẹ nuôi là người nước ngoài với con nuôi là công dân Việt Nam

Việc nhận nuôi con nuôi không chỉ diễn ra đối với công dân Việt Nam mà pháp luật còn cho phép người nước ngoài được phép nhận con nuôi là công dân Việt Nam. Theo quy định của Luật Nuôi con nuôi 2010, người nước ngoài có thể nhận con nuôi là người Việt Nam trong những trường hợp sau:

Thứ nhất, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam;

Thứ hai, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi 2010;

Thứ ba, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận nuôi con nuôi ở Việt Nam.

Về điều kiện và trình tự thủ tục để người nước ngoài nhận nuôi con nuôi là công dân Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Nuôi con nuôi 2010, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP), v.v. Ngoài ra, việc nhận nuôi con nuôi phải phù hợp

với quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1990, Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế (Công ước La Hay 1993). Đồng thời, nguyên tắc chung trong trường hợp giữa hai nước có ký kết điều ước quốc tế thì điều ước quốc tế đó được ưu tiên áp dụng, ví dụ: Hiệp định hợp tác nuôi con nuôi giữa Việt Nam và Cộng hòa Pháp ký kết ngày 14/7/2000; Hiệp định hợp tác nuôi con nuôi giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ký kết ngày 01/9/2005,…

Việc nhận nuôi con nuôi phải được bảo đảm theo quy định tại khoản 3, Điều 21, Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1990: "trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi cũng được hưởng những sự bảo vệ và điều kiện tương đương theo các quy định hiện hành của việc làm con nuôi trong nước" (Liên hợp quốc, 1990, tr.7). Theo đó, công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi cũng sẽ được bảo đảm điều kiện cũng như sự bảo vệ theo quy định hiện hành của việc nhận con nuôi trong nước theo pháp luật sở tại. Ngoài ra, mối quan hệ pháp lý giữa cha mẹ nuôi là người nước ngoài và con nuôi là công dân Việt Nam được quy định theo pháp luật của Việt Nam, pháp luật của nước "nhận" và phù hợp với Điều ước quốc tế mà các nước là thành viên. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với người nước ngoài không thường trú ở Việt Nam. Mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi được thực hiện theo quy định pháp luật quốc gia và phù hợp với Điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên, hiệp định, hiệp ước giữa hai quốc gia đã ký kết. Tại Công ước La Hay 1993, Điều 27 quy định:

"1. Việc công nhận nuôi con nuôi bao gồm việc công nhận:

a) Mối quan hệ pháp lý cha mẹ – con giữa trẻ em và cha mẹ nuôi;

b) Trách nhiệm cha mẹ của cha mẹ nuôi đối với trẻ em;

c) Việc chấm dứt mối quan hệ pháp lý tồn tại trước đó giữa trẻ em và cha mẹ đẻ nếu việc nuôi con nuôi có hệ quả như vậy tại Nước ký kết nơi thực hiện việc nuôi con nuôi đó.

2. Nếu việc nuôi con nuôi dẫn đến việc chấm dứt mối quan hệ pháp lý tồn tại trước đó giữa trẻ em và cha mẹ đẻ thì trẻ em phải được hưởng tại Nước nhận, và tại bất kỳ các Nước ký kết nào khác mà công nhận việc nuôi con nuôi đó, những quyền tương tự như những quyền phát sinh do việc nuôi con nuôi có hệ quả như vậy tại mỗi nước.

3. Những khoản trên không làm ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ một điều khoản nào có lợi hơn đối với trẻ em đang có hiệu lực tại Nước ký kết mà công nhận việc nuôi con nuôi đó".

Để bảo đảm quyền của công dân Việt Nam, Luật Nuôi con nuôi quy định về việc cha mẹ nuôi là người nước ngoài phải thông báo tình hình phát triển của con nuôi: "Sáu tháng một lần trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ nuôi có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước nơi con nuôi thường trú về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của con nuôi với cha mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng" (Quốc hội, 2010, tr.32). Đồng thời, "Bộ Tư pháp gửi quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài về việc trẻ em được nhận làm con nuôi để thực hiện biện pháp bảo hộ trẻ em trong trường hợp cần thiết" (Quốc hội, 2010, tr.31).

Thứ hai, cha mẹ nuôi là người nước ngoài thường trú ở Việt Nam. Trong trường hợp này, căn cứ quy định tại Điều 41, Luật Nuôi con nuôi 2010, hệ quả pháp lý được áp dụng theo quy định nhận nuôi con nuôi trong nước. Theo đó, "Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan" (Quốc hội, 2010, tr.21).

2. Quyền quản lý tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về quyền quản lý tài sản riêng của con tại Điều 76. Cụ thể:

"1. Con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý.

2. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con. Tài sản riêng của con do cha mẹ hoặc người khác quản lý được giao lại cho con khi con từ đủ 15 tuổi trở lên hoặc khi con khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp cha mẹ và con có thỏa thuận khác.

3. Cha mẹ không quản lý tài sản riêng của con trong trường hợp con đang được người khác giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự; người tặng cho tài sản hoặc để lại tài sản thừa kế theo di chúc cho người con đã chỉ định người khác quản lý tài sản đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý theo quy định của Bộ luật dân sự." (Quốc hội, 2014, tr.54-55)

Thứ nhất, trường hợp con từ đủ 15 tuổi trở lên. Đối với con nuôi là người đã đủ 15 tuổi trở lên thì có quyền tự quản lý tài sản riêng của mình hoặc nhờ cha mẹ quản lý, căn cứ vào quy định tại luật nuôi con nuôi khi nhận nuôi con nuôi thì quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi có đầy đủ các quyền như cha mẹ và con, cho nên trong trường hợp này nếu con nuôi nhờ cha mẹ nuôi quản lý tài sản riêng thì cha mẹ nuôi được quyền quản lý. Hay nói cách khác, cha mẹ nuôi có quyền quản lý tài sản riêng của con nuôi từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi khi được con nuôi đồng ý (nhờ).

Thứ hai, trường hợp con nuôi là người dưới 15 tuổi. Trong trường hợp này việc quản lý tài sản sẽ do cha mẹ nuôi trực tiếp quản lý hoặc ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con nuôi và pháp luật cũng quy định việc quản lý này đến khi con đủ 15 tuổi thì cha mẹ nuôi hoặc người được ủy quyền quản lý tài sản phải có nghĩa vụ giao lại cho con, ngoại trừ trường hợp giữa cha mẹ nuôi và con có thỏa thuận khác.

Thứ ba, trường hợp cha mẹ nuôi không được quyền quản lý tài sản riêng của con. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 76 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì trong trường hợp con đang được người khác giám hộ thì tài sản sẽ do người giám hộ quản lý hoặc cha mẹ nuôi đang quản lý tài sản riêng mà con được giao cho người giám hộ thì cha mẹ nuôi có nghĩa vụ chuyển giao tài sản riêng cho người giám hộ quản lý. Ngoài ra, tài sản riêng của con

được tạo lập do nhận thừa kế, tặng cho mà đã được chỉ định người quản lý tài sản là người khác thì cha mẹ nuôi cũng không có quyền quản lý tài sản riêng đó.

Tác giả cho rằng việc quy định về quyền quản lý tài sản riêng của con nuôi là phù hợp và tương thích với các quy định tại Bộ luật Dân sự 2015. Bởi lẽ, chủ thể có đầy đủ các quyền đối với tài sản phải là người chưa thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, "nghĩa là về ý chí cá nhân đó phải nhận thức được việc mình đã làm hoặc sẽ làm, về lý trí phải chỉ huy được hành vi của mình. Với những độ tuổi khác nhau, tình trạng tâm thần khác nhau, kinh nghiệm khác nhau…sẽ có nhận thức khác nhau" (Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ, 2017, tr.54). Ở đây, những chủ thể là người chưa thành niên, thể chất và tâm thần chưa phát triển toàn diện và được pháp luật quy định là người chưa đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nếu trao toàn quyền cho những chủ thể này, đặc biệt là người dưới 15 tuổi dễ dẫn đến việc không tự quản lý tài sản an toàn, hiệu quả, nhất là những tài sản có giá trị lớn. Vì vậy, pháp luật trao quyền quản lý cho cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi quản lý là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, pháp luật vẫn tạo điều kiện cho việc quản lý tài sản trong trường hợp người từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự quản lý tài sản riêng của mình. Ngoài ra, pháp luật cũng có những quy định về việc "chuyển giao" quyền quản lý tài sản riêng của con trong một số trường hợp.

3. Quyền định đoạt tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên

Quyền định đoạt tài sản riêng của con nuôi là người chưa thành niên được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 77 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Cụ thể:

"1. Trường hợp cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

2. Con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền định đoạt tài sản riêng, trừ trường hợp tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ." (Quốc hội, 2014, tr.55).

Thứ nhất, quyền định đoạt tài sản riêng của con nuôi là người dưới 15 tuổi. Luật định trao cho cha mẹ có quyền định đoạt tài sản riêng của con dưới 15 tuổi nếu cha mẹ đang là người quản lý tài sản riêng đó. Đồng thời, nếu con từ đủ 9 tuổi đến dưới 15 tuổi thì việc định đoạt tài sản này phải xem xét có phù hợp với nguyện vọng của con hay không. Việc quy định con từ đủ 9 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng thể hiện sự kế thừa quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự 2015 quy định việc tham gia giao dịch dân sự đối với người chưa đủ 15 tuổi được chia thành 2 nhóm: nhóm 1 là người từ 0 đến dưới 6 tuổi và nhóm 2 là người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi. Theo đó, đối với nhóm 1 thì giao dịch dân sự sẽ do người đại diện theo pháp luật của người đó thực hiện; nhóm 2 thì những người này có thể tự thực hiện những giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày và phù hợp với lứa tuổi của mình. Bộ luật Dân sự 2015 quy định với nhóm 2 như vậy nhằm tạo điều kiện thuận lợi và "cho phép họ có thể tham gia xác lập, thực hiện một số giao dịch dân sự nhất định" (Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ, 2017, tr.56). So sánh quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và quy định tại khoản 3, Điều 21, Bộ luật Dân sự 2015 cho

thấy sự chưa thống nhất về xác định độ tuổi khi áp dụng pháp luật của người chưa thành niên.

Thứ hai, quyền định đoạt tài sản đối với con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì quyền định đoạt tài sản riêng của con được pháp luật trao cho những chủ thể này, cha mẹ chỉ có quyền "gián tiếp" trong một số giao dịch dân sự nhất định. Việc quy định như vậy là hoàn toàn tương thích với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể, đối với các giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu là nhóm các giao dịch có giá trị rất lớn so với lứa tuổi từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi bởi vì ở nhóm tuổi này chưa có đầy đủ sự phát triển toàn diện và hoàn thiện về thể chất lẫn tinh thần và chưa là người thành niên (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự). Cho nên, việc quy định các giao dịch liên quan đến bất động sản hoặc động sản phải đăng ký quyền sở hữu phải được sự đồng ý của cha mẹ là hoàn toàn phù hợp, nhằm bảo đảm việc giao kết, thực hiện giao dịch cũng như hạn chế rủi ro trách nhiệm pháp lý về tài sản. Mặc dù điều luật không ghi rõ quyền định đoạt tài sản trong trường hợp này nhưng thông qua việc phải được cha mẹ "đồng ý" khi tham gia vào các giao dịch nêu trên có thể khẳng định cha mẹ có quyền "gián tiếp" trong việc định đoạt tài sản riêng của con.

Cho dù trực tiếp hay gián tiếp định đoạt tài sản riêng của con nuôi thì pháp luật bắt buộc mục đích của việc định đoạt này phải hướng đến duy nhất một mục đích là vì lợi ích tốt nhất của con. Đồng thời, trong một số trường hợp cha mẹ nuôi phải xem xét đến nguyện vọng cũng như được sự đồng ý của con nuôi.

Kết luận

Việc quy định quyền quản lý, định đoạt tài sản riêng của con nuôi theo pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy việc quan tâm, chú trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp nhằm hướng đến sự phát triển ổn định, tốt nhất và toàn diện của người chưa thành niên luôn được coi trọng. Đồng thời, các quy định pháp luật được quy định trên tinh thần pháp luật quốc tế về quyền trẻ em, cho thấy sự hợp tác sâu rộng, kế thừa, tôn trọng đối với pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành có liên quan đến người chưa thành niên, trẻ em chưa có sự thống nhất. Cụ thể tại Điều 1, Luật Trẻ em 2016 quy định "trẻ em là người dưới 16 tuổi" (Quốc hội, 2016, tr.7), khoản 1, Điều 21, Bộ luật Dân sự 2015 quy định "người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi" (Quốc hội, 2015, tr. 15) và Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) sử dụng thuật ngữ "người dưới 18 tuổi" (Quốc hội, 2015, tr.63). Luật pháp quốc tế xác định trẻ em là người dưới 18 tuổi (Điều 1, Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989). Qua đó, chúng ta cần có quy định thống nhất về thuật ngữ, độ tuổi để phù hợp hơn trong quá trình áp dụng pháp luật trong thực tiễn cũng như có sự tương thích với pháp luật quốc tế.

Tóm lại, việc hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em là một trong những vấn đề trọng tâm hiện nay. Đây là việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về sự phát triển toàn diện của trẻ em về cả ba mặt thể lực, trí lực và tâm lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tư pháp (2009). *Bản thuyết minh về dự án Luật Nuôi con nuôi*. Hà Nội.

Chính phủ (2011). *Nghị định 19/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi*. Hà Nội.

Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Công an nhân dân.

Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp (2000). Truy xuất từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Hiep-dinh-hop-tac-nuoi-con-nuoi-giua-Viet-Nam-Phap-113932.aspx

Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (2005). Truy xuất từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Hiep-dinh-nuoi-con-nuoi-giua-Viet-Nam-Hoa-Ky-2005-4327.aspx

Hướng dẫn thủ tục nhận nuôi con nuôi áp dụng với công dân Mỹ (2021). Truy xuất từ: https://visamy.com.vn/huong-dan-thu-tuc-nhan-con-nuoi-ap-dung-voi-cong-dan-my.html

Liên Hợp quốc (1990). *Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em*. Truy xuất từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-cua-Lien-hop-quoc-ve-quyen-tre-em-233659.aspx

Liên Hợp quốc (1993). *Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế*. Truy xuất từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Cong-uoc-La-Haye-1993-bao-ve-tre-em-va-hop-tac-trong-linh-vuc-con-nuoi-quoc-te-144510.aspx

Quốc Hội (2010). *Luật Nuôi con nuôi*. Hà Nội.

Quốc Hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*. Hà Nội.

Quốc Hội (2015). *Bộ luật Dân sự*. Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12/07/2021 Biên tập xong: 15/08/2022 Duyệt đăng: 20/08/2022